

Số: 15/2024/QĐST-HNGĐ

Thanh Miện, ngày 25 tháng 10 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Xuân Hiền.

Thư ký phiên họp: Ông Vũ Cao Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 197/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thụ lý số 197A/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024; theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương - Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn L - Chức vụ: Chủ tịch (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, vắng mặt tại phiên họp).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Anh Nguyễn Văn L1, sinh ngày 12/12/1977 và chị Hoàng Thị L2, sinh ngày 02/11/1981; đều có địa chỉ cư trú: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, vắng mặt tại phiên họp).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu và trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương - Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn L - Chức vụ: Chủ tịch trình bày:

Qua kiểm tra, rà soát tài liệu, sổ sách theo dõi việc đăng ký kết hôn hiện đang lưu trữ tại UBND xã theo đề nghị của công dân có liên quan. Kết quả thể hiện ngày 30/9/1998 - UBND xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương thực hiện thủ tục đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43 cho chị Hoàng Thị L2 là công dân cư trú tại xã T, huyện N và anh Nguyễn Văn L1 là công dân cư trú tại thôn N, xã N. Tại sổ theo dõi và giấy chứng nhận kết hôn đã cấp thể hiện chị Hoàng Thị L2, sinh tháng 01 năm 1980 và anh Nguyễn Văn L1, sinh ngày 12 tháng 12 năm 1977. Tuy nhiên, theo các giấy tờ tùy thân của chị Hoàng Thị L2 thể hiện chị L2 sinh ngày 02/11/1981. Đặc biệt, ngày tháng năm sinh của chị L2 (02/11/1981) được thể hiện rõ ràng tại Học bạ do trường trung học

cơ sở xã H, huyện N lập ngày 25/5/1993. Bản thân chị L2 và anh L1 cũng thừa nhận, do chị L2 sinh ngày 02/11/1981 nên khi chị L2 và anh L1 làm thủ tục kết hôn thì chị L2 chưa đủ tuổi kết hôn. Do mong muốn được kết hôn nên chị L2 và anh L1 đã tự khai với cán bộ đăng ký kết hôn nội dung chị Lương sinh tháng 01 năm 1980 để đủ tuổi kết hôn. Tại thời điểm đó, thủ tục, quy trình đăng ký kết hôn không chặt chẽ và trình độ hiểu biết về pháp luật còn hạn chế, hơn nữa là người cùng xã nên cán bộ đăng ký còn nể nang; do đó đã ghi thông tin tháng sinh, năm sinh của chị L2 vào sổ theo dõi và giấy chứng nhận kết hôn theo nội dung chị L2 và anh L1 trình bày.

UBND xã N xác định: Theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 là Luật có hiệu lực thi hành tại thời điểm chị L2 và anh L1 kết hôn thì chị L2 vi phạm về độ tuổi, thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật. Vì vậy, với tư cách là cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, căn cứ Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, UBND xã N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Hoàng Thị L2 và anh Nguyễn Văn L1.

Tại đơn yêu cầu và trong quá trình giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là anh Nguyễn Văn L1 và chị Hoàng Thị L2 thống nhất trình bày: Anh, chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 30/9/1998. Tại giấy chứng nhận kết hôn ghi họ, tên đệm, tên và tháng sinh, năm sinh người vợ là Hoàng Thị L2, sinh tháng 01 năm 1980 nhưng ngày tháng năm sinh đúng của chị L2 là ngày 02 tháng 11 năm 1981. Nguyên nhân có sự sai lệch nêu trên là do tại thời điểm đăng ký kết hôn thì chị L2 chưa đủ tuổi kết hôn nên đã tự khai với cán bộ đăng ký sinh tháng 01 năm 1980 để được đăng ký kết hôn. Chị L2 không xuất trình giấy tờ tùy thân nên cán bộ đăng ký kết hôn đã ghi thông tin theo lời trình bày của chị. Ngoài vi phạm về độ tuổi kết hôn thì anh, chị không vi phạm điều kiện kết hôn nào khác. Sau khi kết hôn đến nay, anh chị chung sống hạnh phúc, có con chung, có tài sản chung nhưng sự sai lệch về tháng sinh, năm sinh giữa giấy đăng ký kết hôn với các loại giấy tờ khác cũng như việc đăng ký kết hôn khi chị L2 chưa đủ tuổi kết hôn đã gây nhiều khó khăn khi anh, chị thực hiện các thủ tục hành chính tại cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của anh, chị cũng như gia đình. Vì vậy, anh chị cùng thống nhất đề nghị Tòa án căn cứ vào Khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để công nhận quan hệ hôn nhân của anh, chị là Hoàng Thị L2, sinh ngày 02/11/1981 và Nguyễn Văn L1, sinh ngày 12/12/1977 kể từ thời điểm chị L2 đủ tuổi kết hôn.

Tại phiên họp: Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, Thư ký phiên họp, các đương sự đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc hôn nhân và gia đình. Đề nghị áp dụng Điều 8, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ

Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 31 Luật hộ tịch; Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của UBND xã N về việc hủy kết hôn trái pháp luật mà chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Văn L1 và chị Hoàng Thị L2 để công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn L1, sinh ngày 12/12/1977 và chị Hoàng Thị L2, sinh ngày 02/11/1981 kể từ ngày 02/11/1999. UBND xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương có trách nhiệm ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của anh L1, chị L2. Anh L1 và chị L2 phải chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về thủ tục giải quyết vắng mặt người yêu cầu và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Người yêu cầu UBND xã N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Nguyễn Văn L1 và chị Hoàng Thị L2 đã được Tòa án triệu tập họp lệ. Tuy nhiên, người yêu cầu và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đều có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt những người này là phù hợp với quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về căn cứ không chấp nhận yêu cầu về việc hủy kết hôn trái pháp luật của người yêu cầu và căn cứ chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Căn cứ giấy khai sinh, căn cước công dân, học bạ do Trường THCS xã H, huyện N lập ngày 25/5/1993 có đủ cơ sở xác định chị Hoàng Thị L2, sinh ngày 02/11/1981.

Căn cứ các tài liệu liên quan đến việc kết hôn do UBND xã N cung cấp, đủ cơ sở xác định chị Hoàng Thị L2 và anh Nguyễn Văn L1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 30/9/1998.

Theo quy định tại Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 (*Luật có hiệu lực thi hành tại thời điểm chị L2 và anh L1 kết hôn*) quy định thì: “*Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn*”. Anh Nguyễn Văn L1, sinh ngày 12/12/1977 nên tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 30/9/1998, anh L1 đã 20 năm 09 tháng 18 ngày tuổi, đủ tuổi kết hôn nhưng chị Hoàng Thị L2, sinh ngày 02/11/1981 nên mới 16 năm 10 tháng 28 ngày tuổi nên chưa đủ tuổi kết hôn. Để được đăng ký kết hôn, chị L2 đã tự khai tháng sinh, năm sinh của mình là tháng 01 năm 1980. Do chị L2, anh Lưu K cung cấp giấy tờ tùy thân nên UBND xã N đã đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn cho chị L2, anh L1 theo thông tin do chị L2, anh Lưu T khai nhận. Vì vậy, tại giấy chứng nhận kết hôn ghi tháng sinh, năm sinh người vợ là Hoàng Thị L2, sinh tháng 01 năm 1980 là không đúng với ngày tháng năm sinh thực tế của chị L2 và việc kết hôn giữa chị L2 và anh L1 là trái pháp luật. Như vậy, việc UBND

xã N yêu cầu Tòa án giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật theo yêu cầu của UBND xã N thì chị Hoàng Thị L2 đã có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Nguyễn Văn L1 và chị Hoàng Thị L2 đều có yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm chị L2 đủ tuổi kết hôn. Thấy rằng, bản thân anh Nguyễn Văn L1 và chị Hoàng Thị L2 đều xác định việc kết hôn là tự nguyện. Ngoài vi phạm về độ tuổi kết hôn của chị L2 thì việc kết hôn giữa anh L1 và chị L2 không vi phạm quy định nào khác và không thuộc các trường hợp bị cấm kết hôn theo quy định của pháp luật. Trên thực tế kể từ khi kết hôn đến nay, anh L1 và chị L2 chung sống hạnh phúc, đã có con chung và tài sản chung.

Từ nhận định nêu trên, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Văn L1 và chị Hoàng Thị L2 để công nhận quan hệ hôn nhân cho anh L1, chị L2 kể từ ngày chị L2 đủ tuổi kết hôn. Việc chấp nhận yêu cầu độc lập của anh L1, chị L2 là phù hợp pháp luật dẫn tới yêu cầu của UBND xã N sẽ không được chấp nhận nhưng vẫn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây: a) N từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên*”. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh L1 và chị L2 được công nhận kể từ thời điểm chị L2 đủ tuổi kết hôn là ngày 02/11/1999 và UBND xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương có trách nhiệm ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch đối với anh L1, chị L2 theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 3, Điều 30 và Điều 31 của Luật hộ tịch.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu UBND xã N không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Nguyễn Văn L1 và chị Hoàng Thị L2 phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 149, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 367, Điều 370, Điều 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 8, Khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 31 Luật hộ tịch; điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của người yêu cầu UBND xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Nguyễn Văn L1 và chị Hoàng Thị L2.

2.1. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn L1, sinh ngày 12/12/1977 và chị Hoàng Thị L2, sinh ngày 02/11/1981; đều có địa chỉ thường trú: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương kể từ ngày 02/11/1999.

2.2. UBND xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương có trách nhiệm ghi vào sổ Hộ tịch việc thay đổi hộ tịch đối anh Nguyễn Văn L1 và chị Hoàng Thị L2.

3. Người yêu cầu UBND xã N không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Nguyễn Văn L1 và chị Hoàng Thị L2 phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) anh L1, chị L2 đã nộp tạm ứng lệ phí theo biên lai ký hiệu: BLTU/23 số 0006761 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát hành ngày 17/10/2024 (*anh L1, chị L2 đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp lệ phí*).

4. Người yêu cầu UBND xã N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Nguyễn Văn L1 và chị Hoàng Thị L2 có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc quyết định được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương có quyền kháng nghị quyết định này theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập;
- UBND xã Ngũ Hùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương (*để ghi vào sổ hộ tịch*).
- VKSND huyện Thanh Miện;
- Lưu hồ sơ việc dân sự/Lưu VP.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Xuân Hiền